CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản số 2485/TTr-BKHĐT ngày 03 tháng 5 năm 2021, số 2617/BKHĐT-CLPT ngày 09 tháng 5 năm 2021 và ý kiến thảo luận thống nhất tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết Đại hội XIII), Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII thể hiện rõ những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để cụ thể hóa quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung liên quan của Nghị quyết Đại hội XIII thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới.

2. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, ngành, cơ quan trực thuộc Chính phủ ở trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng chương trình hành động của từng bộ, ngành, cơ quan, địa phương

theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải được tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIII, trong đó:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp;

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao;

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, yêu cầu các bộ, ngành, cơ quan ở trung ương và địa phương phải nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, phương châm "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển" và các quan điểm chỉ đạo theo Nghị quyết Đại hội XIII; trong đó đặc biệt chú trọng 6 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống hành chính nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIII: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý nói chung và thử nghiệm cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh nói riêng để thúc đẩy quá trình phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển các mô hình kinh tế mới, khởi nghiệp sáng tạo, cung cấp dịch vụ công, quản lý và bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát

triển các loại thị trường và các yếu tố thị trường, nhất là các thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ, kinh tế số và thị trường số.

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế về huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế đảm bảo trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi đồng hành với nhau đối với 3 chủ thể nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Rà soát hệ thống văn bản, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình cải cách các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025. Phấn đấu đến năm 2030 môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số một cách phù hợp, thực chất và hiệu quả.

Sửa đổi, hoàn thiện cơ chế quản lý và phân cấp ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; trong đó chú trọng phát huy vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nhất là trong việc bảo đảm nguồn lực đầu tư phát triển các công trình kết cấu hạ tầng trọng yếu và phát triển liên kết vùng miền; đồng thời phát huy tính chủ động, đổi mới của ngân sách địa phương, tạo điều kiện cho các cấp chính quyền địa phương linh hoạt, sáng tạo trong sử dụng các nguồn lực hợp pháp phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ vay nợ cho chi đầu tư phát triển. Tiếp tục cơ cấu lại nợ công theo hướng chất lượng, hiệu quả, bền vững. Kiến tạo môi trường kinh doanh tiền tệ, ngân hàng ổn định, an toàn, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, thượng tôn pháp luật và tôn trọng các quy luật thị trường.

2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế

Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ tốt nhất sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trong đó tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao. Xây dựng và tổ chức

thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các nhóm nghiên cứu hiệu quả đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phù hợp với điều kiện Việt Nam. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Xây dựng thể chế, cơ chế chính sách để hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm trí tuệ nhân tạo tại các vùng trọng điểm. Phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tất cả các lĩnh vực, nhất là về khoa học, công nghệ. Tạo điều kiện tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực của doanh nghiệp về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo ra công nghệ mới. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số thực hiện thiết kế, sáng tạo và sản xuất tại Việt Nam. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Tăng cường công tác đầu tư, quản lý sở hữu trí tuệ, công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng và ứng dụng hiệu quả năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tích cực thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Tiếp tục đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài.

Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện đa dạng hóa phương thức đào tạo dựa theo mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số.

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo trên cả nước đáp ứng nhu cầu học tập và học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Xây dựng khung chiến lược phát triển giáo dục đại học và quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, chú trọng các trường sư phạm đào tạo giáo viên và các trường đào tạo khối ngành sức khỏe; phát triển cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao theo chuẩn khu vực và thế giới, ưu tiên nguồn lực phát triển các trường công

nghệ, hình thành các trường đại học chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh và thành lập các mô hình doanh nghiệp trong các cơ sở đào tạo, nâng cao khả năng thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học của các cơ sở giáo dục đại học. Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận dịch vụ và giáo dục bình đẳng, có chất lượng và đảm bảo thực hiện công bằng xã hội.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, chú trọng đến dạy và học trực tuyến, qua Internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học; phát triển kỹ năng số, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề; đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục; xếp hạng các trường đại học. Đẩy mạnh triển khai có chất lượng dạy học ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo. Tăng cường giáo dục kỹ năng, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ số trong giáo dục, đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục nhằm tạo ra một nền tảng để học tập suốt đời. Thực hiện phân cấp quản lý, tăng cường tự chủ đối với đào tạo đại học phù hợp với xu thế chung của thế giới và thí điểm cơ chế tự chủ đối với trường phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, liên thông, nhất là các trường cao đẳng chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục, đào tạo, thúc đẩy hình thành các khu giáo dục quốc tế tại Việt Nam. Kết hợp giữa giáo dục, đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tạo ra sản phẩm trí tuệ, sáng tạo của Việt Nam.

4. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô

Xây dựng quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bảo đảm đồng bộ, khả thi, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với điều kiện thực tiễn đất nước nhằm nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực, thế giới.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô; trong đó chú trọng phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, đồng bộ các chính sách tài khoá, tiền tệ, đầu tư, thị trường, giá cả, thương mại và các chính sách khác để thực hiện nhất quán

mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững.

Xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tập trung cho các đột phá chiến lược, nhất là hạ tầng chiến lược. Tăng cường phân cấp đi đôi với giám sát, kiểm tra và đổi mới toàn diện thể chế quản lý đầu tư công, thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư công. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh hơn nữa, hiệu quả hơn nữa hợp tác công - tư nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội hiệu quả vào phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công. Xây dựng Chiến lược tài chính quốc gia phù hợp, hiệu quả, theo hướng tăng cho đầu tư phát triển, tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi thường xuyên, nhất là chi cho đầu tư có tính chất sự nghiệp và cho hành chính không cần thiết. Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu. Hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam, chú trọng các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hoá, thoái vốn những doanh nghiệp không có hiệu quả, thua lỗ; nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng vốn của các doanh nghiệp nhà nước; cơ bản hoàn tất việc sắp xếp lại khối doanh nghiệp nhà nước. Củng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế nhà nước có quy mô lớn, thực hiện quyền tự chủ, nâng cao hiệu quả hoạt động, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng cường lợi ích của các thành viên, nâng cao khả năng huy động nguồn lực. Tiếp tục hoàn thiện thể chế để phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế, trong đó, chú trọng phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao có khả năng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm, có chọn lọc, ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, quản trị hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, có tác động lan toả, kết nối chặt chẽ, hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước.

Thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp địa phương) và cơ cấu lại sản xuất theo lĩnh vực, vùng; phát triển các vùng chuyên canh nông sản

hàng hóa chất lượng cao, gắn với chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc. Cơ cấu lại ngành lúa gạo, tiếp tục bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; phát triển các cây công nghiệp chủ lực và các vùng sản xuất cây ăn quả, vùng sản xuất rau tập trung, an toàn thực phẩm. Phát triển chăn nuôi công nghiệp, hỗ trợ phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại hiệu quả cao, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường. Phát triển nuôi trồng thủy sản cả trên biển và mặt nước nội địa theo hướng công nghiệp, quảng canh cải tiến, sinh thái; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, phát triển đánh bắt đại dương bền vững; quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản. Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, lâm đặc sản, đáp ứng cơ bản nhu cầu lâm sản trong nước và chế biến xuất khẩu. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao và công nghệ chế biến sau thu hoạch; cùng với đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất để thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng.

Tiếp tục tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có hàm lượng công nghệ cao, giá trị xuất khẩu lớn và dịch chuyển hợp lý lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp. Cải tiến hệ thống đổi mới sản xuất quốc gia theo hướng nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm khai thác có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và lợi thế thương mại; cơ cấu lại các ngành tiêu thụ nhiều tài nguyên và năng lượng, đặc biệt là khu vực đầu tư nước ngoài để giảm thiểu cường độ năng lượng; khuyến khích hài hòa, hợp lý, hiệu quả nhiều mặt để phát triển ngành công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và các ngành công nghiệp tiêu thụ ít nguyên nhiên vật liệu và có hiệu quả về xã hội và môi trường. Tập trung phát triển một cách toàn diện các ngành công nghiệp nền tảng như điện, than, dầu khí, thép, cơ khí chế tạo, chế biến; công nghiệp hỗ trợ. Tái cấu trúc các khu công nghiệp để hình thành các cụm ngành công nghiệp chuyên môn hoá dựa trên khả năng kết nối chuỗi giá trị và khả năng cạnh tranh của các ngành công nghiệp; hiện đại hóa sản xuất tiểu thủ công nghiệp địa phương.

Triển khai thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển các ngành dịch vụ của Việt Nam. Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, du lịch, giáo dục - đào tạo, thông tin và truyền thông, an toàn, an ninh mạng, logistics và vận tải, phân phối... Áp dụng chuẩn mực quốc tế cho các hoạt động kế toán, kiểm toán, ngân hàng thương mại... Đẩy mạnh phát triển kinh tế số nông thôn, chuyển đổi số doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistics. Nâng cao chất lượng xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao và hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa cao gắn với mở rộng quy mô xuất khẩu nhằm khai thác có hiệu

quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Xây dựng và triển khai có hiệu quả các công cụ kiểm soát hoạt động nhập khẩu nhằm bảo vệ sản xuất trong nước và lợi ích người tiêu dùng, hạn chế ô nhiễm qua biên giới và các hành vi gian lận thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Thúc đẩy phát triển thương mại trong nước theo hướng hiện đại gắn với tổ chức triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng trong nước, Chương trình người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại gắn với xây dựng thương hiệu quốc gia. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành du lịch, bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển du lịch. Chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị hình thành nên các sản phẩm du lịch để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Phát triển kết cấu hạ tầng: Tiếp tục xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Xây dựng quy hoạch phát triển các ngành kết cấu hạ tầng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số. Đẩy mạnh hợp tác công – tư, Trung ương và địa phương cùng thực hiện và trên nguyên tắc đường đi qua tỉnh nào thì tỉnh đó phải bố trí vốn và giải phóng mặt bằng, Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây lắp làm vốn mồi, để phấn đấu đến năm 2025, cơ bản hoàn thành cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ Lạng Sơn đến Cà Mau ở những khu vực phát huy hiệu quả kinh tế cao, tập trung cho phát triển đường cao tốc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ đi Tây Nguyên; hoàn thành giai đoạn 1 Cảng hàng không quốc tế Long Thành; phấn đấu triển khai thực hiện toàn bộ 1.700 km đường ven biển từ Quảng Ninh đến Cà Mau, trong đó, ưu tiên hoàn thành đoạn ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đến năm 2030, phấn đấu cả nước có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc; phát triển cảng biển, đường thủy nội địa ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long; triển khai nghiên cứu xây dựng một số đoạn đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thuỷ lợi, hồ chứa nước trọng yếu bảo đảm an toàn, an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Phát triển mạnh nguồn năng lượng hợp lý, thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch một cách hợp lý. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội. Xây dựng và đẩy mạnh triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Chiến lược dữ liệu quốc gia.

Phát triển kinh tế vùng: Xây dựng các quy hoạch vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng tích hợp, đa ngành, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát

triển mới. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng và thể chế điều phối phát triển kinh tế vùng đủ mạnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động và đổi mới cơ chế quản lý, mô hình phát triển của các khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, khu công nghệ thông tin tập trung theo tinh thần phân cấp tối đa và tăng cường giám sát, kiểm tra gắn với đô thị hoá trở thành động lực phát triển vùng. Lựa chọn một số địa điểm, đô thị, vùng có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính với thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao.

Phát triển kinh tế biển: Xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trên biển. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn xói lở bờ biển, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn. Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh. Rà soát và triển khai thực hiện quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển. Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia; phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển.

Phát triển đô thị: Hoàn thiện thể chế, chính sách và công cụ quản lý để kiểm soát quá trình đô thị hóa gắn kết chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nông thôn, theo quy hoạch và có kế hoạch. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hoà, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; phát triển các đô thị trung tâm vùng; hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các vùng kinh tế trọng điểm. Nâng cao hiệu quả phát triển tổng hợp của khu vực đô thị theo hướng tăng trưởng bao trùm, đô thị thông minh, đô thị xanh, văn minh, có bản sắc, dẫn dắt phát triển khoa học công nghệ và hoạt động đổi mới sáng tạo. Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết chặt chẽ với hệ thống hạ tầng vùng. Xây dựng cơ chế minh bạch đánh giá giá trị đất đai, bất động sản theo cơ chế thị trường. Phát triển nhà ở theo hướng nâng cao chất lượng, bảo đảm môi trường sống, hạ tầng đồng bộ.

Xây dựng nông thôn mới: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông thôn. Thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo

hướng gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết nối chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hoá. Tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn; tập trung xử lý ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải.

6. Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

Xây dựng môi trường văn hoá một cách toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp để văn hoá thực sự là động lực, đột phá phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân được phát huy các năng lực tự do sáng tạo trong đời sống kinh tế, xã hội. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội. Quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển văn hoá, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội. Đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm cho người dân.

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hỗ trợ người dân nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập của người nghèo, đối tượng yếu thế so với bình quân chung của cả nước. Tập trung giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người dân, đặc biệt là các hộ gia đình nghèo, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân khu công nghiệp và các đối tượng chính sách xã hội có khó khăn về nhà ở. Hoàn thành dứt điểm việc xóa nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố trên địa bàn cả nước.

Nâng cao sức khoẻ, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi; có giải pháp khắc phục xu hướng già hóa dân số. Tăng cường thể lực của thanh niên. Phát triển mạnh thể dục, thể thao, kết hợp thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại. Xây dựng chính sách và cơ chế phù hợp để bồi dưỡng và phát triển tài năng, đưa thể thao Việt Nam đạt vị trí cao ở khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và thế giới ở những bộ môn Việt Nam có ưu thế. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển. Tập trung phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu, xây dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Thúc đẩy y tế thông minh trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nền tảng y tế số. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, giám sát, phát hiện, khống chế, ngăn chặn hiệu quả, không để dịch bệnh lớn xảy ra, ứng phó kịp thời các vấn đề khẩn cấp, sự cố môi trường, bảo đảm an ninh y tế. Phát triển dược liệu, công nghiệp dược và thiết bị y tế; nâng cao năng lực nghiên

cứu, chủ động sản xuất vắc-xin, thuốc sáng chế. Đổi mới mạnh mẽ công tác y tế cơ sở, đào tạo nguồn nhân lực y tế.

Cải cách tổng thể, hệ thống, đồng bộ chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương. Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động; hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, nâng cao chất lượng dự báo nhằm nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động và chất lượng dịch vụ việc làm; có cơ chế, chính sách định hướng dịch chuyển lao động thông thoáng, phân bố hợp lý lao động theo vùng. Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; nâng tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nhất là cho những người yếu thế, người nghèo. Đổi mới cách tiếp cận, tăng cường phối hợp, lồng ghép, ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực trợ giúp xã hội. Thực hiện đồng bộ và toàn diện các giải pháp phát triển thanh niên, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi.

Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Nâng cao chất lượng, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, báo chí, Internet, xuất bản; tăng cường năng lực quản lý không gian mạng, giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Xây dựng các cơ quan báo chí, tổ hợp truyền thông đa phương tiện chủ lực đủ mạnh, làm chủ mặt trận thông tin. Đổi mới, sáng tạo trong thông tin đối ngoại, thúc đẩy truyền thông quảng bá tăng thứ hạng hình ảnh quốc gia.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai và tác động của dịch bệnh

Khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia (đất, nước, khoáng sản) theo nguyên tắc thị trường. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch. Bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia và an toàn đập, hồ chứa nước; tăng cường hợp tác quốc tế về sử dụng nguồn nước xuyên biên giới. Xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia.

Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược. Phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Cải thiện rõ rệt tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, khu vực nông thôn. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia; thực hiện kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học. Ứng dụng viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, gồm xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia; ứng dụng viễn thám trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển theo quy hoạch, giao thông vận tải, công thương. Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, chú trọng môi trường biển và hải đảo. Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học; triển khai chủ trương trồng 1 tỷ cây xanh trong 5 năm tới. Thực hiện Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam. Xây dựng quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia; quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất. Nâng cao tính chống chịu và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng và của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng trong nông nghiệp, thuỷ sản và phát triển rừng. Tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai. Chủ động ứng phó, giảm thiểu những rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra, nhất là khô hạn, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, lũ ống, lũ quét. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng xây dựng quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi; thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai, Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

8. Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo, khu kinh tế - quốc phòng. Thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế biển và vùng ven biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng trên biển, đảo xa bờ; xây dựng các chương trình hỗ trợ ngư dân bám biển, đánh bắt xa bờ, tạo điều kiện cho việc phòng thủ, bảo vệ, kiểm soát và làm chủ vùng biển. Bổ sung nội dung quốc phòng, an ninh trong quy hoạch các vùng, miền có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo. Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, quy hoạch khu kinh tế - quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao, là bộ phận quan trọng và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội. Sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, bảo đảm phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ và hậu quả chiến tranh; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Tổ chức triển khai Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược an ninh mạng.

Chủ động đấu tranh phòng chống "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ", phòng ngừa, ngăn chặn những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh xã hội và an ninh con người. Xử lý hài hoà các vấn đề dân tộc, tôn giáo, bức xúc xã hội, không để xảy ra các "điểm nóng" về an ninh thông tin. Tăng cường công tác phòng ngừa, kịp thời đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tăng cường phòng chống tai nạn giao thông, cháy nổ. Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.

9. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Tận dụng tối đa các cơ hội từ quá trình hội nhập mang lại, nhất là các hiệp định thương mại tự do đã ký kết; chú trọng nâng cao năng lực hội nhập, đặc biệt là cấp vùng và địa phương nâng cao năng lực, nguồn lực và các biện pháp phòng vệ thương mại quốc gia, giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế. Tranh thủ môi trường quốc tế thuận lợi để nâng cao năng lực hội nhập và mức độ hưởng lợi từ hội nhập.

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, gắn chặt việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế với tăng cường năng lực thể chế đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương, kết hợp chặt chẽ với đối ngoại song phương, thực hiện tốt các trọng trách quốc tế, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc và các khuôn khổ hợp tác ở Châu Á - Thái Bình Dương; trong đó tổng kết 30 năm Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN (1995 - 2025) và phương hướng tham gia hợp tác ASEAN những năm tiếp theo. Gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định trên biển; giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Giải quyết các vấn đề còn tồn tại liên quan đến đường biên giới trên bộ với các nước láng giềng.

Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Bảo vệ lợi ích chính đáng

của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân Việt Nam trong các tranh chấp kinh tế, thương mại và đầu tư quốc tế. Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong thông tin đối ngoại. Chủ động triển khai hiệu quả công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài; triển khai mạnh mẽ công tác người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

10. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính

Coi trọng công tác Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của mỗi tổ chức đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy chính phủ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Đẩy nhanh tiến độ ban hành các luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp 2013. Xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường. Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng được hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân là trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

Chú trọng quản lý phát triển xã hội; thực hiện ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, bảo vệ và trợ giúp các đối tượng dễ bị tổn thương trong nền kinh tế thị trường. Tiếp tục sắp xếp, cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công. Thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ công và thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia. Triển khai có hiệu quả Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và mô hình trung tâm phục vụ hành chính công trong giải quyết thủ tục hành chính giai đoạn 2021 - 2025.

Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước 2021 - 2030 và hiện đại hoá nền hành chính quốc gia. Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền các cấp gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng và tính chuyên nghiệp cao. Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; có cơ chế khuyến khích, khơi dậy tinh thần cống hiến vì đất nước, tạo động lực và áp lực để mọi cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao, tận tụy phục vụ nhân dân; có cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Cải cách cơ bản chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, nhất là "tham nhũng vặt", thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Không hình sự hoá các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự. Triển khai Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng và kế hoạch thực hiện Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng. Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của công dân và doanh nghiệp. Phát triển dịch vụ pháp lý. Phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động này của Chính phủ, có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình hành động thuộc phạm vi quản lý, trong đó phải thể hiện bằng các đề án, chương trình, giải pháp, nhiệm vụ, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý II năm 2021, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trên cơ sở Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của mình, từng bộ, cơ quan, địa phương cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm. Đối với những nhiệm vụ đã rõ, đã có văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, không cần phải xây dựng thêm đề án, các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức triển khai ngay, bảo đảm thực hiện kịp thời, hiệu quả những nội dung liên quan trong Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của bộ, cơ quan, địa phương.

b) Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII, Chương trình hành động này của Chính phủ và Chương trình hành động của bộ, cơ quan, địa phương; trong đó đặc biệt lưu ý cần nghiêm

túc quán triệt thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ gắn với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

c) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của Chính phủ và Chương trình hành động của từng bộ, cơ quan, địa phương; định kỳ hằng năm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này của Chính phủ, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội để tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo theo thẩm quyền và quy định.

3. Căn cứ Nghị quyết Đại hội XIII, nhất là phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đã được Đại hội XIII thông qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

a) Xây dựng dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, báo cáo cấp có thẩm quyền, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

b) Sau khi được Quốc hội thông qua, xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; trường hợp cần thiết báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung một số đề án, nhiệm vụ công việc trong Phụ lục ban hành kèm theo Chương trình hành động này.

4. Chính phủ trân trọng đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân tăng cường giám sát, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động này của Chính phủ và Chương trình hành động của các bộ, cơ quan, địa phương.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, cơ quan, địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
A	**Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội**				
1	Đề án sửa đổi cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và tính chủ động của ngân sách địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025	Bộ TC	Các cơ quan liên quan	2021	Bộ Chính trị, Chính phủ
2	Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số	Bộ TTTT	Bộ KHCN	Tháng 8/2021	TTgCP
3	Luật Giao dịch điện tử và Kinh tế số (sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử 2005)	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2022	Quốc hội
4	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2013	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2022	Quốc hội
5	Luật Chính phủ số	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2022-2024	Quốc hội
6	Luật Công nghiệp công nghệ số	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2022-2025	Quốc hội

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
B	**Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế**				
7	Đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030	Bộ KHCN	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
8	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030	Bộ KHCN	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
9	Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021-2030	Bộ KHCN	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
10	Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
11	Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
12	Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
13	Quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ KHCN	Các cơ quan liên quan	2022	TTgCP
14	Quy hoạch phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ KHCN	Các cơ quan liên quan	2022	TTgCP
C	**Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế**				

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
15	Đề án đào tạo nhân lực y tế vùng khó khăn giai đoạn 2021-2030	Bộ YT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
16	Đề án phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2021-2030	Bộ GDĐT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
17	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	Bộ LĐTBXH	Bộ NNPTNT	2021	TTgCP
18	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Bộ LĐTBXH	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
19	Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam	Bộ LĐTBXH	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
20	Đề án Nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
21	Chiến lược phát triển giáo dục 2021-2030	Bộ GDĐT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
22	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Bộ GDĐT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
23	Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030	Bộ GDĐT	Các cơ quan liên quan	2021-2025	TTgCP
24	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam	Bộ KHCN	Các cơ quan liên quan	2025	Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
25	Sửa đổi Luật Giáo dục	Bộ GDĐT	Các cơ quan liên quan	2026-2030	Quốc hội
D	**Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô**				
26	Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021	Chính phủ
27	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
28	Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp năm 2025, định hướng đến năm 2030	Bộ KHĐT	Bộ TTTT, các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
29	Chiến lược tổng thể phát triển các ngành dịch vụ của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
30	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025	NHNNVN	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
31	Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	NHNNVN	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
32	Đề án tái cơ cấu các ngành công nghiệp và thương mại giai đoạn 2021-2030	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
33	Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ TTTT	Bộ CT, Bộ KHĐT	2021	TTgCP
34	Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030	Bộ TC	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
35	Chiến lược tổng thể đầu tư phát triển doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	UBQL vốn NN tại DN	Bộ KHĐT, Bộ TC	2021	TTgCP
36	Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
37	Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
38	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, có xét đến năm 2045	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
39	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
40	Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2021-2030	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
41	Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia thời kỳ 2021-2030	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
42	Đề án sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
43	Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
44	Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030	Bộ NNPTNT	Bộ CT	2021-2022	TTgCP
45	Đề án phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
46	Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
47	Đề án cơ cấu lại ngành lúa gạo đến năm 2030	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
48	Đề án sản xuất và tiêu thụ tôm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
49	Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030	Bộ TC	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
50	Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ VHTTDL	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
51	Luật Công nghiệp hỗ trợ	Bộ CT	Các cơ quan liên quan	2021-2025	Quốc hội

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
52	Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2022-2023	Quốc hội
Đ	**Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới**				
53	Chiến lược quốc gia cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045	Bộ NNPTNT	Bộ XD	2021	TTgCP
54	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
55	Đề án phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
56	Đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021-2030 thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
57	Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
58	Các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế trong thời gian tới	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021	Chính phủ
59	Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
60	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
61	Chiến lược Hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
62	Chiến lược phát triển hạ tầng Bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
63	Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
64	Đề án phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển	Bộ TNMT	Bộ QP	2021	TTgCP
65	Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
66	Quy hoạch không gian biển quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	Quốc hội
67	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
68	Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2021 – 2030	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
69	Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
70	Quy hoạch mạng lưới giao thông: đường bộ, đường bộ cao tốc, đường sắt, hàng không, cảng biển, đường thuỷ nội địa đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Bộ GTVT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
71	Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
72	Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
73	Chiến lược phát triển ngành xây dựng đến năm 2030	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
74	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
75	Định hướng kiến trúc Việt Nam	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
76	Quy hoạch các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050: Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ	Bộ KHĐT	Các cơ quan liên quan	2021-2023	Chính phủ
77	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
78	Chương trình thí điểm phát triển đô thị thông minh vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2021-2025	TTgCP
79	Luật Quản lý phát triển đô thị	Bộ XD	Các cơ quan liên quan	2022-2023	Quốc hội
E	**Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân**				

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
80	Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030	Bộ NV	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
81	Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040	Bộ YT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
82	Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030	Ủy ban Dân tộc	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
83	Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040	Bộ YT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
84	Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045	Bộ YT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
85	Đề án phát triển y tế lao động xã hội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ LĐTBXH	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
86	Đề án phòng chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030	Bộ LĐTBXH	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
87	Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030	Bộ VHTTDL	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
88	Chương trình bảo tồn, phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030	Bộ VHTTDL	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
89	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ YT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
90	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
91	Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Bộ TTTT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
92	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ LĐTBXH	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
93	Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ LĐTBXH	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
94	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ VHTTDL	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
95	Xây dựng và triển khai chế độ tiền lương mới	Bộ NV	Các cơ quan liên quan	2021-2025	Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ
96	Đề án xây dựng Đài Tiếng nói Việt Nam thành cơ quan truyền thông đa loại hình, đa phương tiện hiện đại, vững mạnh toàn diện	Đài Tiếng nói Việt Nam	Các cơ quan liên quan	2021-2025	TTgCP
97	Đề án cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện của Đài Truyền hình Việt Nam	Đài Truyền hình Việt Nam	Các cơ quan liên quan	2021-2030	Chính phủ
G	**Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai và tác động của dịch bệnh**				

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
98	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030	Bộ KHĐT	Bộ TNMT và các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
99	Đề án an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ NNPTNT	Bộ TNMT	2021	TTgCP
100	Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
101	Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh trong 5 năm tới	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
102	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	Quốc hội
103	Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
104	Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
105	Chiến lược khoáng sản giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Bộ CT	2021	TTgCP
106	Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
107	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
108	Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
109	Đề án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
110	Đề án kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2040	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
111	Đề án ứng dụng viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Bộ TNMT	Các Bộ: NNPTNT, XD, GTVT, CT	2021	TTgCP
112	Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
113	Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ NNPTNT	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
114	Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2022	TTgCP
115	Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2022	TTgCP
116	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Bộ CT	2022	TTgCP
117	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2022	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
118	Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2022	TTgCP
119	Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	Các cơ quan liên quan	2024	TTgCP
H	**Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia**				
120	Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ CA	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
121	Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo	Bộ QP	Các cơ quan liên quan	2021 - 2022	TTgCP
122	Cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội đến năm 2030	Bộ QP	Các cơ quan liên quan	2021 - 2022	TTgCP
I	**Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế**				
123	Chiến lược ngoại giao văn hóa giai đoạn 2021-2030	Bộ NG	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
124	Chiến lược tổng thể hợp tác Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ NG	Các cơ quan liên quan	2021	Bộ Chính trị
125	Chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ NG	Các cơ quan liên quan	2022	Bộ Chính trị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
126	Đề án tổng kết 30 năm Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN (1995-2025) và phương hướng tham gia hợp tác ASEAN những năm tiếp theo	Bộ NG	Các cơ quan liên quan	2025	TTgCP
K	**Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính**				
127	Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XV	Bộ NV	Các cơ quan liên quan	2021	Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ
128	Chương trình tổng thể cải cách hành chính	Bộ NV	Các cơ quan liên quan	2021	Chính phủ
129	Luật Thanh tra sửa đổi	Thanh tra CP	Các cơ quan liên quan	2021	Quốc hội
130	Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng	Thanh tra CP	Các cơ quan liên quan	2021	TTgCP
131	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030	Bộ TP	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP
132	Đề án nghiên cứu thể chế hóa nội dung giám sát, dân thụ hưởng	Bộ NV	Các cơ quan liên quan	2021-2022	TTgCP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp trình/ Phê duyệt
133	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thí điểm đối với cấp tỉnh giai đoạn 2021-2026	Bộ NV	Các cơ quan liên quan	2021-2025	Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ
134	Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	Bộ NV	Các cơ quan liên quan	2021-2025	Quốc hội
135	Đề án tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (phần nội dung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật)	Bộ TP	Các cơ quan liên quan	2022-2025	Ban Chấp hành TW
136	Đề án tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân	Bộ TP	Các cơ quan liên quan	2022-2025	TTgCP
137	Đề án phát huy vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	Thanh tra CP	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP
138	Đề án phát huy vai trò của xã hội trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính	Thanh tra CP	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP